TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:61/2019/DS-ST.
Ngày: 27-11-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Toàn.

Các hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Xuân Hinh.

2.Ông Vũ Văn Toán.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 171/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXX-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Ngô Hồng S, sinh năm 1965, bà Phạm Thị H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà 23, Thôn 12, xã Hòa N, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Vợ chồng ông K'B, bà Ka T.

Địa chỉ: Số nhà 31, Thôn 1, xã Tân L, huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn ông Ngô Hồng S có mặt, bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, vợ chồng ông K'B, bà Ka T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và lời trình bày tại phiên tòa vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H trình bày:

Vào ngày 01-7-2017 vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng ông K'B, bà Ka T vay với số tiền là 100.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, thời hạn thanh toán 27-7-2017 sẽ trả. Khi vay hai bên có lập giấy vay tiền ghi ngày 01-7-2017 có chữ ký ghi tên K'B. Quá trình vay và khi đến hạn vợ

chồng ông K’B, bà Ka T đã thanh toán tiền lãi tổng cộng 26.000.000 đồng, việc thanh toán tiền lãi hai bên không làm giấy tờ gì.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu vợ chồng ông K’B, bà Ka T cùng có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01-7-2017 đến 27-11-2019 là 27 tháng 26 ngày (chỉ yêu cầu 27 tháng) theo mức lãi suất 1,67% thành tiền là 45.090.000 đồng trừ đi tiền lãi đã trả 26.000.000 đồng còn lại 19.090.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 119.090.000 đồng.

Về tài liệu chứng chứng chứng minh là Giấy vay tiền ghi ngày 01-7-2017 có chữ ký ghi tên K’B.

Đối với bị đơn vợ chồng ông K’B, bà Ka T: Tòa án nhân dân huyện D đã triệu tập hợp lệ nhiều lần vợ chồng ông K’B, bà Ka T đến Tòa án nhân dân huyện D nhưng đều vắng mặt; Tòa án dân huyện D cùng với chính quyền địa phương đã đến tận nhà vợ chồng ông K’B, bà Ka T để làm việc tuy nhiên không ghi lời khai được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H buộc vợ chồng ông K’B, bà Ka T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H số tiền gốc 100.000.000 đồng và 19.090.000 đồng tiền lãi. Vợ chồng ông K’B, bà Ka T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bà Phạm Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, vợ chồng ông K’B, bà Ka T vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H xác định vợ chồng ông K’B, bà Ka T vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là ngày 27-7-2017 nhưng chưa trả. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H với vợ chồng ông K’B, bà Ka T là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về thời hiệu: Theo đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện vào ngày 01-7-2017, ông K’B viết giấy vay của vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H số tiền 100.00.000 đồng, thời hạn thanh toán ngày 27-7-2017. Ngày 22-7-2019, vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện D. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định yêu cầu của vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H còn trong thời hiệu.

[4]Về nội dung tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H thể hiện vào ngày 10-7-2017 vợ chồng ông K'B, bà Ka T có vay của vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H với số tiền là 100.000.000 đồng, thời hạn thanh toán là 27-7-2017, ông K'B viết giấy vay tiền ghi ngày 01-7-2017 thời hạn trả ngày 27-7-2017. Việc vay tiền được ông K'B ký nhận, hơn nữa vợ chồng ông K'B, bà Ka T vắng mặt là đã tự mình từ bỏ quyền được trình bày ý kiến và đưa ra tài liệu chứng cứ để chứng minh bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Như vậy vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H khởi kiện là có cơ sở cần áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H số tiền vay gốc 100.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng, vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H trình bày khi cho vay giữa vợ chồng ông, bà và vợ chồng ông K'B, bà Ka T lãi suất 3%/ tháng nhưng vợ chồng ông chỉ yêu cầu mức lãi 1,67%/tháng từ ngày 01-7-2017 đến ngày 27-7-2017 là 27 tháng 26 ngày nhưng chỉ yêu cầu 27 tháng thành tiền là 45.090.000 đồng. Căn cứ vào khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 yêu cầu tiền lãi vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H là đúng quy định cần buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H số tiền lãi 45.090.000 đồng, vợ chồng ông K'B, bà Ka T đã thanh toán tiền lãi 26.000.000 đồng, số tiền lãi còn lại phải trả 19.090.000 đồng là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên khẳng định vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H khởi kiện là có căn cứ, vợ chồng ông K'B, bà Ka T đã vi phạm nghĩa vụ, có lỗi chậm thanh toán, cần áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H số tiền gốc là 100.000.000 đồng, số tiền lãi là 19.090.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 119.090.000 đồng là có căn cứ.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu của vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H được chấp nhận nên vợ chồng ông K'B, bà Ka T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm của số tiền 119.090.000 đồng x 5% = 5.954.500 đồng là phù hợp.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H 3.475.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0014413 ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 144, Điều 147, Bộ luật tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H. Buộc vợ chồng ông K'B, bà Ka T có nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H số tiền 119.090.000 đồng (một trăm mười chín triệu không trăm chín mươi nghìn đồng). Trong đó tiền gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), tiền lãi 19.090.000 đồng (mười chín triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác

2. Về án phí:

Vợ chồng ông K'B, bà Ka T chịu 5.954.500 đồng (năm triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Ngô Hồng S, bà Phạm Thị H nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.475.000 đồng (ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0014413 ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Ngọc Toàn